

## ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – Đề số 1

Môn: Toán - Lớp 9

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## Phần I

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Chọn	C	A	D	D	C	B

**Câu 1.** Trong các hàm số sau hàm số nào có dạng  $y = ax^2$  với  $a \neq 0$

- A.  $y = 7x^3 - 4x^2$ .      B.  $y = 3x - 3$ .      C.  $y = -4x^2$ .      D.  $y = \sqrt{6x+3}$ .

## Phương pháp

Xác định xem hàm số nào có dạng  $y = ax^2$ .

## Lời giải

Hàm số  $y = -4x^2$  có dạng  $y = ax^2$ .

## Đáp án C

**Câu 2.** Cho phương trình bậc hai  $-4x^2 + 3x - 6 = 0$ . Phương trình có nghiệm là

A. Phương trình vô nghiệm.

B. Phương trình có nghiệm kép  $x_1 = x_2 = \frac{3}{8}$ .

C. Phương trình có hai nghiệm phân biệt là  $x_1 = \frac{3}{8}$ ,  $x_2 = -\frac{3}{8}$ .

D. Phương trình có hai nghiệm phân biệt là  $x_1 = \frac{3}{4}$ ,  $x_2 = -\frac{3}{4}$ .

## Phương pháp

Xác định  $\Delta = b^2 - 4ac$  để xác định nghiệm của phương trình.

(Ta cũng có thể sử dụng máy tính cầm tay để xác định nghiệm)

## Lời giải

Hệ số  $a = -4, b = 3, c = -6$ . Ta có  $\Delta = b^2 - 4.a.c = -87 < 0$  nên phương trình vô nghiệm.

## Đáp án A

**Câu 3.** Cho  $u + v = -4$  và  $u.v = -21$ ,  $u < v$ . Giá trị của  $u$  là

A.  $-4$ .

B.  $-9$ .

C.  $0$ .

D.  $-7$ .

## Phương pháp

Xác định phương trình khi biết tổng và tích., từ đó giải phương trình tìm  $u$ . (đối với bài tập trắc nghiệm có thể bấm máy tính cầm tay)

## Lời giải

Hai số cần tìm là nghiệm của phương trình  $x^2 + 4x - 21 = 0$

Giải ta được  $u = -7$  và  $v = 3$ .

**Đáp án D**

**Câu 4.** Gieo một con xúc xắc 50 lần và được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Tần số	8	7	9	8	6	12

Tần số xuất hiện của mặt ba chấm là:

- A. 6.                                      B. 7.                                      C. 8.                                      D. 9.

**Phương pháp**

Quan sát bảng tần số để xác định tần số xuất hiện của mặt ba chấm.

**Lời giải**

Tần số xuất hiện của mặt ba chấm là 9.

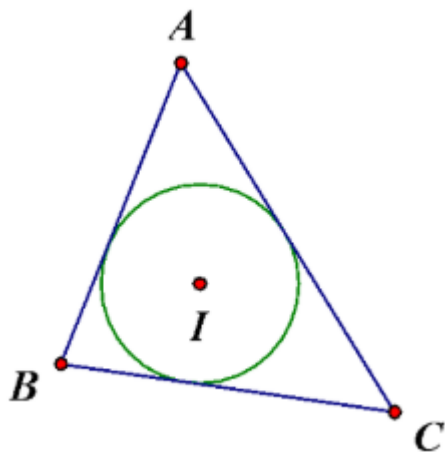
**Đáp án D**

**Câu 5.** Một đường tròn là đường tròn nội tiếp nếu nó:

- A. Đi qua các đỉnh của một tam giác.  
 B. Tiếp xúc với các đường thẳng chứa các cạnh của tam giác.  
 C. Tiếp xúc với các cạnh của tam giác.  
 D. Nằm trong một tam giác.

**Phương pháp**

Dựa vào khái niệm đường tròn nội tiếp tam giác:

**Lời giải**

Theo khái niệm, đường tròn nội tiếp tam giác là đường tròn *tiếp xúc với tất cả các cạnh của tam giác* nên đáp án C đúng.

**Đáp án C**

**Câu 6.** Tứ giác  $ABCD$  nội tiếp đường tròn. Biết số đo  $BD = 140^\circ$  và  $BAD < 90^\circ$ , tính  $BCD$ .

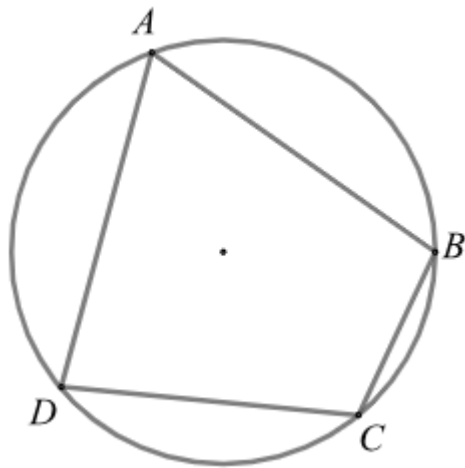
- A.  $100^\circ$ .                                      B.  $110^\circ$ .                                      C.  $70^\circ$ .                                      D.  $20^\circ$ .

**Phương pháp**

Ta tính  $BAD$  thông qua số đo cung  $BD$ : Số đo góc nội tiếp bằng một nửa số đo cung nhỏ đó.

Sử dụng định lý tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng  $180^\circ$  để tính  $BCD$ .

**Lời giải**



Vì tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn nên  $BAD$  chắn cung  $BD$ .

Mà  $BAD < 90^\circ$  nên  $BAD = \frac{1}{2} \text{sđ } BD = \frac{1}{2} \cdot 140^\circ = 70^\circ$  (góc nội tiếp chắn cung  $BD$ ).

Vì tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn nên  $BAD + BCD = 180^\circ$ , suy ra  $BCD = 180^\circ - BAD = 180^\circ - 70^\circ = 110^\circ$

**Đáp án B**

## Phần II

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

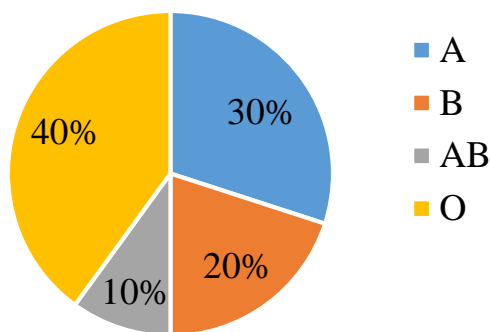
Câu 1	Câu 2
a) Đúng	a) Đúng
b) Sai	b) Sai
c) Sai	c) Đúng
d) Đúng	d) Đúng

**Câu 1:** Trong môn Sinh học, một lớp 9 khảo sát về nhóm máu của các học sinh trong lớp. Kết quả khảo sát được trình bày như sau:

Nhóm máu	A	B	AB	O
Tần số (m)	12	8	4	16

- a) Số học sinh tham gia khảo sát là 40.
- b) Số học sinh có nhóm máu A là ít nhất.
- c) Tần số tương đối của nhóm máu AB là 30%.
- d) Biểu đồ tần số tương đối về nhóm máu của các học sinh trong lớp như sau:

### Tỉ số nhóm máu của các học sinh trong lớp



#### Phương pháp

- Số học sinh tham gia khảo sát bằng tổng tần số của các nhóm máu.
- So sánh tần số các nhóm máu.
- Tần số tương đối của giá trị bằng tần số của giá trị với tổng tần số.
- Tính tần số tương đối và vẽ biểu đồ tần số tương đối về nhóm máu của các học sinh trong lớp.

#### Lời giải

Trong môn Sinh học, một lớp 9 khảo sát về nhóm máu của các học sinh trong lớp. Kết quả khảo sát được trình bày như sau:

Nhóm máu	A	B	AB	O
Tần số (m)	12	8	4	16

#### a) Đúng

Số học sinh tham gia khảo sát là:

$$12 + 8 + 4 + 16 = 40.$$

#### b) Sai

Quan sát bảng tần số, ta thấy tần số của nhóm máu AB nhỏ nhất nên số học sinh có nhóm máu AB là ít nhất.

#### c) Sai

Tần số tương đối của nhóm máu AB là:

$$\frac{4}{40} \cdot 100\% = 10\%.$$

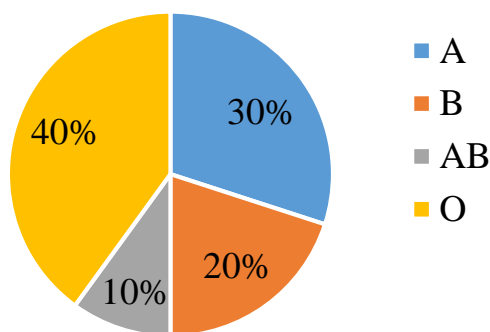
#### d) Đúng

Từ bảng tần số, ta có bảng tần số tương đối như sau:

Nhóm máu	A	B	AB	O
Tần số tương đối (%)	30	20	10	40

Biểu đồ tần số tương đối về nhóm máu của các học sinh trong lớp là:

### Tỉ số nhóm máu của các học sinh trong lớp



**Đáp án ĐSSD**

**Câu 2:** Cho đường tròn  $O$  đường kính  $AB$ . Gọi  $H$  là điểm nằm giữa  $O$  và  $B$  ( $H$  không là trung điểm của  $OB$ ). Kẻ dây  $CD$  vuông góc với  $AB$  tại  $H$ . Trên cung nhỏ  $AC$  lấy điểm  $E$ , kẻ  $CK$  vuông góc với  $AE$  tại  $K$ . Đường thẳng  $DE$  cắt  $CK$  tại  $F$ .

a)  $AHCK$  là tứ giác nội tiếp.

b)  $\angle EAO + \angle HCK = 90^\circ$ .

c)  $\angle KAC = \angle EDC$ .

d)  $AH \cdot AB = AC^2$ .

**Phương pháp**

a) Chứng minh bốn điểm  $A, H, C, K$  thuộc cùng một đường tròn nên  $AHCK$  là tứ giác nội tiếp.

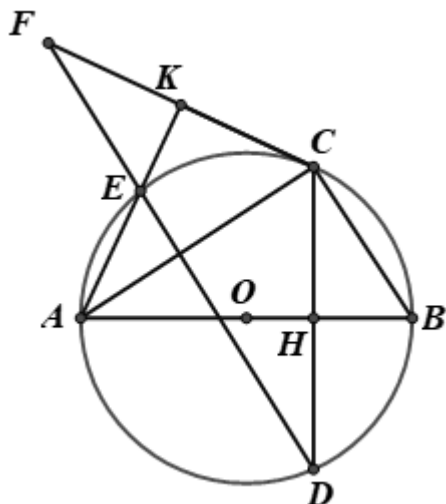
b) Dựa vào định lý tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp.

c) Dựa vào kiến thức về góc nội tiếp: Hai góc nội tiếp cùng chắn một cung thì bằng nhau.

d) Sử dụng kiến thức về góc nội tiếp chắn nửa đường tròn là góc vuông.

Chứng minh  $\triangle AHC \sim \triangle ACB$  ( $g.g$ ) suy ra tỉ số cạnh bằng nhau.

**Lời giải**



**a) Đúng**

Xét tam giác  $ACK$  vuông tại  $K$  ( $CK \perp AE$  tại  $K$ ) nên  $K$  thuộc đường tròn đường kính  $AC$ .

Xét tam giác  $ACH$  vuông tại  $H$  ( $CD \perp AB$  tại  $H$ ) nên  $H$  thuộc đường tròn đường kính  $AC$ .

Do đó bốn điểm  $A, H, C, K$  thuộc đường tròn đường kính  $AC$  hay tứ giác  $AHCK$  là tứ giác nội tiếp.

**b) Sai**

Vì tứ giác  $AHCK$  là tứ giác nội tiếp nên  $\angle EAO + \angle HCK = 180^\circ$  (tính chất tứ giác nội tiếp) nên b sai.

**c) Đúng**

Ta có:  $\angle EAC = \angle EDC$  (hai góc nội tiếp chắn cung  $EC$ ) hay  $\angle KAC = \angle EDC$ .

**d) Đúng**

Xét đường tròn  $O$  đường kính  $AB$  có  $\angle ACB = 90^\circ$  (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)

Suy ra  $\triangle ACB$  vuông tại  $C$ .

Xét  $\triangle AHC$  và  $\triangle ACB$  có:

$\angle A$  chung

$$\angle AHC = \angle ACB (= 90^\circ)$$

Suy ra  $\Delta AHC \sim \Delta ACB (g.g)$

Do đó  $\frac{AH}{AC} = \frac{AC}{AB}$  nên  $AH \cdot AB = AC^2$

**Đáp án ĐSDD**

**Phần III**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,5 điểm**)

Câu	1	2	3	4
Chọn	-27	-6	15,9	5

**Câu 1.** Giá trị của hàm số  $y = -3x^2$  tại  $x_0 = -3$  bằng ...

**Phương pháp**

Thay  $x_0 = -3$  vào hàm số để tìm  $y$ .

**Lời giải**

Thay  $x_0 = -3$  vào hàm số, ta được:  $y = -3 \cdot (-3)^2 = -3 \cdot 9 = -27$ .

**Đáp án: -27**

**Câu 2.** Phương trình  $x^2 + ax + b = 0$  (với  $a, b$  là các số nguyên) có một nghiệm là  $5 + \sqrt{21}$ . Tổng của  $a$  và  $b$  là:

**Phương pháp**

Thay nghiệm  $5 + \sqrt{21}$  vào phương trình, lập hệ phương trình hai ẩn  $a, b$  để tìm  $a, b$ .

Áp dụng định lí Viète để vào phương trình tìm được để tìm nghiệm còn lại.

**Lời giải**

Gọi  $x_1; x_2$  là hai nghiệm của phương trình  $x^2 + ax + b = 0$  (1).

Không mất tính tổng quát, giả sử  $x_1 = 5 + \sqrt{21}$  và  $x_2$  là nghiệm còn lại.

Thay  $x = x_1 = 5 + \sqrt{21}$  và (1) ta được:

$$(5 + \sqrt{21})^2 + a(5 + \sqrt{21}) + b = 0$$

$$46 + 10\sqrt{21} + 5a + \sqrt{21}a + b = 0$$

$$(a + 10)\sqrt{21} + (5a + b + 46) = 0$$

Vì  $a, b$  là các số nguyên nên ta có hệ:

$$\begin{cases} a + 10 = 0 \\ 5a + b + 46 = 0 \end{cases}$$

$$\begin{cases} a = -10 \\ b = -46 - 5a \end{cases}$$

$$\begin{cases} a = -10 \\ b = 4 \end{cases}$$

Suy ra phương trình (1) là  $x^2 - 10x + 4 = 0$

Ta có:  $a + b = -10 + 4 = -6$

**Đáp án: -6**

**Câu 3.** Trong 3 ngày từ 21 – 23/8/2023 hệ thống cửa hàng của BiTi's tại Hải Phòng đã thống kê số lượng bán được của mẫu giày phiên bản BITI'S HUNTER X LITEFLEX 3.0 theo bảng số liệu sau:

Cỡ giày (x)	36	37	38	39	40	41	42	43	Cộng
Tần số (n)	86	90	105	154	168	174	168	24	969

Tần số tương đối của cỡ giày số 39 (làm tròn kết quả đến hàng phần mười) là:

(không điền dấu %)

### Phương pháp

Xác định tần số của cỡ giày số 39 và tổng các tần số.

Tần số tương đối của giá trị bằng tỉ số phần trăm giữa tần số của giá trị với tổng tần số.

### Lời giải

Quan sát bảng trên ta thấy cỡ giày 39 có số lần xuất hiện là 154.

Tổng các tần số là 969.

Khi đó tần số tương đối của cỡ giày số 39 là:  $\frac{154}{969} \cdot 100\% \approx 15,9\%$

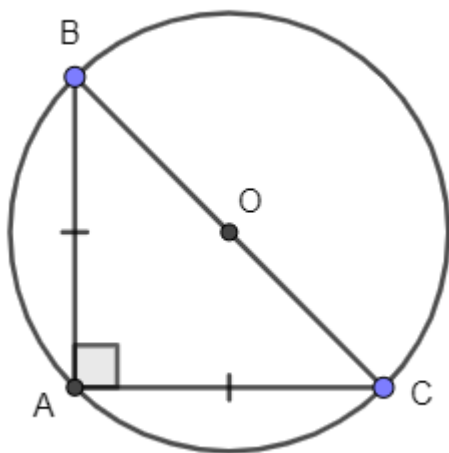
**Đáp án: 15,9**

**Câu 4.** Cho tam giác ABC vuông cân tại A, có  $AC = 5\sqrt{2}cm$ . Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC bằng ...

### Phương pháp

Đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông cân có bán kính bằng một nửa cạnh huyền của tam giác vuông cân.

### Lời giải



Tam giác ABC vuông cân tại A nên  $AB = AC = 5\sqrt{2}cm$ .

Áp dụng định lí Pythagore vào tam giác ABC, ta có:

$$BC = \sqrt{(5\sqrt{2})^2 + (5\sqrt{2})^2} = 10(cm).$$

Vì tam giác ABC vuông tại A nên đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC có đường kính là cạnh huyền BC.

Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC là:  $10 : 2 = 5(cm)$

**Đáp án: 5**

### Phần IV

**Câu 1. (1,5 điểm)** Bác An đi xe máy từ nhà đến nơi làm việc cách nhau 60km với vận tốc dự định trước. Sau

khi đi được  $\frac{1}{3}$  quãng đường, do điều kiện thời tiết không thuận lợi nên trên quãng đường còn lại, bác An

phải đi với vận tốc ít hơn so với vận tốc dự định ban đầu 10km/h. Tính vận tốc dự định của bác An khi đi từ nhà đến nơi làm việc, biết bác An đến nơi làm việc muộn hơn dự định 20 phút.

### Phương pháp

Gọi vận tốc dự định của bác An đi từ nhà đến nơi làm việc là  $x(km/h, x > 10)$ , biểu diễn vận tốc đi quãng đường còn lại theo  $x$ .

Lập các biểu thức biểu diễn thời gian bác An đi  $\frac{1}{3}$  quãng đường đầu và quãng đường còn lại.

Từ đó lập phương trình bậc hai ẩn  $x$  biểu diễn thời gian đi của bác An.

Giải phương trình, kết hợp điều kiện ban đầu của  $x$  để xác định.

### Lời giải

Đôi 20 phút =  $\frac{1}{3}$  giờ.

Gọi vận tốc dự định của bác An đi từ nhà đến nơi làm việc là  $x$  (km/h,  $x > 10$ ).

Khi đó vận tốc bác An đi quãng đường còn lại là:  $x - 10$  (km/h,  $x > 10$ )

Thời gian bác An dự định đi từ nhà đến nơi làm việc là:  $\frac{60}{x}$  (giờ)

Thời gian bác An đi  $\frac{1}{3}$  quãng đường đầu là:  $\frac{1}{3} \cdot \frac{60}{x} = \frac{20}{x}$  (giờ)

Quãng đường còn lại là:  $60 \cdot \left(1 - \frac{1}{3}\right) = 40$  (km)

Thời gian bác An đi quãng đường còn lại là:  $\frac{40}{x-10}$  (giờ).

Vì bác An đến nơi làm việc muộn hơn dự định 20 phút nên ta có phương trình:

$$\frac{20}{x} + \frac{40}{x-10} = \frac{60}{x} + \frac{1}{3}$$

$$\frac{40}{x-10} = \frac{40}{x} + \frac{1}{3}$$

$$x^2 - 10x - 1200 = 0$$

Giải phương trình ta được  $x_1 = 40$  (tm);  $x_2 = -30$  (không tm).

Vậy vận tốc dự định của bác An khi đi từ nhà đến nơi làm việc là 40km/h.

**Câu 2. (1 điểm)** Một chiếc máy quay ở đài truyền hình được đặt trên giá đỡ 3 chân, các điểm tiếp xúc với mặt đất của 3 chân lần lượt là 3 đỉnh A, B, C của tam giác đều ABC. Tính khoảng cách giữa hai vị trí A và B biết bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC là 6dm.



(Ảnh: New Africa)

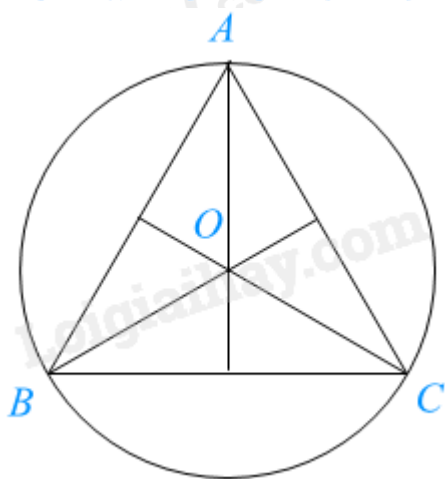
### Phương pháp

Tính khoảng cách giữa hai vị trí A và B chính là tìm cạnh của tam giác đều ABC khi biết bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác.

Đường tròn ngoại tiếp tam giác đều cạnh  $a$  có tâm là trọng tâm của tam giác đó và bán kính bằng  $\frac{\sqrt{3}}{3}a$ .

### Lời giải





Gọi tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC là O. Vì tam giác ABC đều nên bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC bằng  $\frac{\sqrt{3}}{3} AB$ , hay  $OA = \frac{\sqrt{3}}{3} AB$ .

Suy ra  $AB = OA : \frac{\sqrt{3}}{3} = 6 : \frac{\sqrt{3}}{3} = 6\sqrt{3}$  (dm)

Vậy khoảng cách A và B là  $6\sqrt{3}$  dm.

**Câu 3. (0,5 điểm)** Phương trình  $3x^2 - 2x - 8 = 0$  có một nghiệm là  $x_1 = \frac{-4}{3}$ , nghiệm còn lại là  $x_2$ . Tính giá trị của biểu thức  $A = 3x_2 + 2025$ .

#### Phương pháp

Xác định số nghiệm của phương trình sử dụng  $\Delta$  hoặc  $\Delta'$ .

Áp dụng định lí Viète để tìm ra nghiệm  $x_2$  còn lại.

Thay nghiệm vừa tìm được vào A.

#### Lời giải

Phương trình  $3x^2 - 2x - 8 = 0$  có  $\Delta' = (-1)^2 - 3 \cdot (-8) = 25$  nên phương trình có hai nghiệm phân biệt.

Áp dụng định lí Viète, ta có:  $x_1 \cdot x_2 = \frac{-8}{3}$  suy ra  $x_2 = \frac{-8}{3} : 2 = \frac{-4}{3}$ .

Khi đó:  $A = 3 \cdot \frac{-4}{3} + 2025 = -4 + 2025 = 2021$ .